

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 10 năm 2021

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN V.2: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 53, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hoa Anh	01	43	7,5	Bảy rưỡi	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	02	30	7,0	Bảy	
3	Bùi Thị Thanh Bình	03	70	7,0	Bảy	
4	Hoàng Văn Biên	04	19	7,5	Bảy rưỡi	
5	Lê Thị Cát	05	68	7,0	Bảy	
6	Đoàn Thị Chiên	06	69	7,0	Bảy	
7	Phạm Thị Bích Diệp	07	45	8,0	Tám	
8	Lê Thị Dung	08	13	8,0	Tám	
9	Nguyễn Văn Dũng	09	04	8,0	Tám	
10	Đoàn Xuân Dương	10	35	7,0	Bảy	
11	Đặng Khánh Duy	11	44	7,5	Bảy rưỡi	
12	Hà Thị Bích Đào	12	52	7,5	Bảy rưỡi	
13	Phùng Thị Hà	13	37	7,5	Bảy rưỡi	
14	Phạm Thị Hà	14	17	8,0	Tám	
15	Vũ Ngọc Hà	15	29	7,0	Bảy	
16	Nguyễn Thị Hạnh	16	12	7,0	Bảy	
17	Tổng Thị Hằng	17	72	7,5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Thu Hiền	18	63	8,0	Tám	
19	Dương Văn Hiệp	19	15	7,5	Bảy rưỡi	



Handwritten signature in blue ink.

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
20	Trương Thúy Hồng	20	41	7,0	Bảy	
21	Trần Văn Hồng	21	47	7,0	Bảy	
22	Lê Thị Huế	22	24	8,0	Tám	
23	Cù Xuân Hùng	23	38	7,5	Bảy rưỡi	
24	Đỗ Thị Thanh Hương	24	26	7,5	Bảy rưỡi	
25	Hoàng Quốc Huy	25	23	7,0	Bảy	
26	Đinh Quang Huy	26	39	7,5	Bảy rưỡi	
27	Trần Thị Huyền	27	21	7,5	Bảy rưỡi	
28	Nguyễn Thị Thu Huyền	28	20	8,0	Tám	
29	Phạm Thị Thanh Huyền	29	11	7,5	Bảy rưỡi	
30	Vũ Hồng Kiên	30	60	7,0	Bảy	
31	Hoàng Ngọc Linh	31	28	7,5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Thái Linh	32	03	7,5	Bảy rưỡi	
33	Nguyễn Thị Bích Loan	33	31	8,0	Tám	
34	Nguyễn Thị Mai	34	08	7,5	Bảy rưỡi	
35	Phạm Văn Nam	35	05	8,0	Tám	
36	Đinh Thị Thu Nga	36	27	8,0	Tám	
37	Trần Văn Nguyên	37	01	6,5	Sáu rưỡi	
38	Phạm Thị Nhung	38	42	7,5	Bảy rưỡi	
39	Trần Thị Kim Oanh	39	25	7,5	Bảy rưỡi	
40	Phạm Thị Kim Oanh	40	14	7,5	Bảy rưỡi	
41	Trịnh Thị Lan Phương	41	33	7,0	Bảy	
42	Nguyễn Quốc Phương	42	16	8,0	Tám	
43	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	43	34	7,5	Bảy rưỡi	
44	Phạm Văn Quý	44	56	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
45	Bàn Thị Lệ Quyên	45	57	7,0	Bảy	
46	Trương Công Quyết	-	-	-	-	Chuyển lớp
47	Bùi Xuân Sơn	46	32	7,0	Bảy	
48	Dương Văn Song	47	59	7,0	Bảy	
49	Nguyễn Tá Tâm	48	65	7,0	Bảy	
50	Trương Văn Thái	49	50	7,0	Bảy	
51	Nông Văn Thắng	50	22	7,5	Bảy rưỡi	
52	Trần Mạnh Thắng	51	09	7,0	Bảy	
53	Nguyễn Văn Thắng	52	46	7,0	Bảy	
54	Nguyễn Thị Thành	53	06	7,5	Bảy rưỡi	
55	Nguyễn Xuân Thi	54	54	7,0	Bảy	
56	Nguyễn Thị Thịnh	55	55	7,0	Bảy	
57	Nguyễn Kiến Thọ	56	-	-	-	Vắng thi
58	Lê Hoài Thu	57	51	7,5	Bảy rưỡi	
59	Triệu Thị Thương	58	67	7,5	Bảy rưỡi	
60	Đoàn Thị Thu Thủy	59	73	7,0	Bảy	
61	Nguyễn Phương Thủy	60	10	8,0	Tám	
62	Ngô Thu Thủy	61	48	7,5	Bảy rưỡi	
63	Nguyễn Thị Trang	62	-	-	-	Vắng thi
64	Phạm Thị Thủy Triều	63	02	8,0	Tám	
65	Nguyễn Văn Trọng	64	53	7,0	Bảy	
66	Lê Văn Trọng	65	40	7,5	Bảy rưỡi	
67	Lý Hoàng Tú	66	64	7,0	Bảy	
68	Lê Minh Tú	67	71	7,5	Bảy rưỡi	
69	Nông Thanh Tùng	68	58	7,0	Bảy	

VIỆN
G
TRỊ
NGUYỄN

24

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
70	Nguyễn Văn Tuyền	69	66	7,0	Bảy	
71	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	70	36	7,0	Bảy	
72	Lê Thị Hải Yến	71	49	7,0	Bảy	
73	Đoàn Thị Hải Yến	72	18	8,0	Tám	
74	Dương Thị Đào	73	07	8,0	Tám	
75	Lưu Thị Nhung	74	62	8,0	Tám	P.III.1-K10 Định Hòa
76	Lê Thị Hồng Thơm	75	61	7,5	Bảy rưỡi	P.III.1-K8 Sông Công

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XDĐ
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên